TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 8 - 2023
V/v không công nhận là vợ chồng và tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lành Văn Huế

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Bùi Thị Bắc

Bà Hoàng Thị Hòa

- *Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nông Bích Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Lý Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2023 về việc "Không công nhận vợ chồng và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-DS ngày 01/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị L, sinh năm 1987. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Triệu Tiến L1, sinh năm 1986. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như lời khai tại phiên toà nguyên đơn chị Triệu Thị L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1 tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau từ năm 2007, không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau vẫn hạnh phúc, cho đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh L1 có quan hệ ngoài luồng với người khác, chị L đã khuyên bảo anh Linh để cùng nhau nuôi dạy con

nhưng không được. Hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã và xảy ra xô xát, chị L đã nhờ đến chính quyền địa phương hòa giải nhưng không được. Chị L và anh L1 đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2023. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Triệu Thị L yêu cầu được ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với anh Triệu Tiến L1.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Triệu Thị V.A, sinh ngày 21/7/2007 và Triệu Văn H, sinh ngày 22/9/2017. Chị L giữ nguyên thỏa thuận tại phiên hòa giải ngày 10/7/2023 là yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Thị V.A, yêu cầu anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Văn H đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4 và 01 nhà bếp và các công trình phụ khác cùng xây dựng năm 2015. Chị L chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai cũng như lời khai tại phiên toà của bị đơn anh Triệu Tiến L1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Tiến L1 và chị Triệu Thị L tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau từ năm 2007, không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã. Trước khi về chung sống với nhau anh L1 và chị L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc và có 02 người con chung. Đến năm 2015, anh L1 và chị L làm nhà ra ở riêng, vẫn sống với nhau hòa thuận. Đến năm 2021, chị L đi làm công ty, ít về thăm gia đình, từ đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị L nghi ngờ anh L1 có quan hệ ngoài luồng với người khác. Anh L1 và gia đình cũng đã tìm cách hòa giải, khuyên bảo chị L tiếp tục về chung sống để cùng nhau nuôi dạy con nhưng không được. Anh Triệu Tiến L1 và chị Triệu Thị L đã sống ly thân từ tháng 12/2022 đến nay. Anh Triệu Tiến L1 vẫn có nguyện vọng mong chị L về đoàn tụ gia đình. Nếu chị L nhất quyết ly hôn, anh L1 yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Triệu Thị V.A, sinh ngày 21/7/2007 và Triệu Văn H, sinh ngày 22/9/2017. Anh L1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Văn H và yêu cầu chị Loan trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Thị V.A đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung như đã thỏa thuận tại phiên hòa giải ngày 10/7/2023.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4 và 01 nhà bếp và các công trình phụ khác cùng xây dựng năm 2015. Anh L1 chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Triệu Thị V.A khai là có nguyện vọng ở với mẹ là chị Triệu Thị L.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải về phần con chung, tài sản chung và nợ chung. Tại phiên hòa giải chị Triệu Thị L và anh

Triệu Tiến L1 đã thỏa thuận được với nhau và tại phiên tòa chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1 vẫn giữ nguyên các nội dung đã thỏa thuận cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Triệu Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Thị V.A, sinh ngày 21/7/2007 và anh Triệu Tiến L1 được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Văn H, sinh ngày 22/9/2017 đến khi trưởng thành. Anh L1 và chị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1 cùng xác định là chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1 cùng xác định là không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án như sau:

Tại hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng và đúng theo quy định và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng về phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng đối với chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1 theo biên bản hòa giải ngày 10/7/2023. Vì tại phiên tòa chị Triệu Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã thỏa thuận theo biên bản hòa giải ngày 10/7/2023.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét vì các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định để sung ngân sách Nhà nước.

Về thiếu sót, kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Triệu Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với anh Triệu Tiến L1 theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều

28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải về phần con chung, tài sản chung và nợ chung. Các đương sự không có ý kiến khiếu nại gì về thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1 tổ chức hôn lễ vào năm 2007 và về ở với nhau như vợ chồng. Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Nhất Tiến, huyện Bắc Sơn. Kết quả xác minh, đại diện Ủy ban nhân dân xã Nhất Tiến, huyện Bắc Sơn cho biết qua kiểm tra sổ Đăng ký kết hôn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Nhất Tiến, huyện Bắc Sơn từ trước đến nay, không có trường hợp đăng ký kết hôn của chị Triệu Thị L với anh Triệu Tiến L1. Chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1 không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1 là bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Mặc dù chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1 không có đăng ký kết hôn nhưng đã chung sống với nhau như vợ chồng trong nhiều năm. Quá trình chung sống đến tháng 02 năm 2023 hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và cũng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm gì nhau, tại phiên tòa chị Triệu Thị L cũng xác định không còn tình cảm để tiếp tục chung sống. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không đi đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Quyền và nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo Điều 15 và Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình". Do chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1 sống chung với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định và đã sinh được hai người con chung. Do vậy, yêu cầu của chị Triệu Thị L là có căn cứ chấp nhận nên Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận là vợ chồng đối với chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Tại phiên hòa giải chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1 đã thỏa thuận được với nhau cụ thể là: Về con chung: Chị Triệu Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Thị Vân Anh, sinh ngày 21/7/2007 và anh Triệu Tiến L1 được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Văn Hiếu, sinh ngày 22/9/2017 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1 đều chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc thỏa thuận của chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Triệu Thị V.A và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và tại phiên tòa chị Triệu Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm, do vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh chị theo biên bản phiên hòa giải ngày 10/7/2023.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định để sung ngân sách Nhà nước.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 53, 54, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 11; Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1, cụ thể: chị Triệu Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Thị V.A, sinh ngày 21/7/2007 và anh Triệu Tiến L1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Văn H, sinh ngày 22/9/2017 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Triệu Thị L và anh Triệu Tiến L1 có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Triệu Thị L phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Xác nhận chị Triệu Thị L đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số: AA/2021/0002939 ngày 06/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2023).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 ,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lành Văn Huế